

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Môi trường và Phát triển bền vững

Định hướng: Ứng dụng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm
..... của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Môi trường và phát triển bền vững

+ Tiếng Anh: Environment and Sustainable Development

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8440301.04

- Tên ngành đào tạo: Khoa học môi trường

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Khoa học môi trường

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Environmental Sciences

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững theo định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề mang tính liên ngành về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo an toàn xã hội, an ninh môi trường, phát triển sinh kế bền vững, đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế bền vững và bảo vệ môi trường, đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội, an ninh quốc phòng và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. *Về kiến thức:* Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị và hướng dẫn người học bổ sung, cập nhật hệ thống kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở bậc thạc sĩ về chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững.

2.2.2. *Về kỹ năng:* Trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu về môi trường và phát triển bền vững, các kỹ năng phân tích nâng cao, phát hiện, đánh giá và dự báo những vấn đề môi trường và xã hội trong định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam; Năng lực thực tiễn về hoạt động quản lý, khai thác, bảo tồn tài nguyên, đa dạng sinh học, dự báo và phòng chống các tai biến tự nhiên và môi trường; Năng lực đánh giá các vấn đề môi trường xã hội, an ninh môi trường, xây dựng các kỹ năng phát triển sinh kế bền vững đảm bảo sự phát triển kinh tế nhưng vẫn bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở quy mô địa phương, vùng, quốc gia và khu vực. Có kỹ năng phân tích, đánh giá và hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững.

2.2.3. *Về thái độ:* Có phẩm chất chính trị, đạo đức, nghề nghiệp, nắm vững kiến thức hiện đại về tài nguyên, môi trường, xã hội trong bối cảnh phát triển kinh tế phục vụ sự phát triển bền vững đất nước và nhân loại.

2.2.4. *Về năng lực:* Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn thuộc lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững, đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2.2.5. *Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp:* Giảng viên, nghiên cứu viên, nhà quản lý tại các trường đại học và cao đẳng, các viện và trung tâm

nghiên cứu khoa học, các cơ quan quản lý các cấp về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững; Nhà quản lý hay nghiên cứu tại các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ có thể được đào tạo tiếp tục ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực hoặc Toán cao cấp 3
- Môn thi cơ sở: Cơ sở khoa học môi trường
- Môn ngoại ngữ: Một trong 5 thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung

3.2. Đối tượng tuyển sinh

+ Điều kiện văn bằng

Ngành Khoa học môi trường là ngành Khoa học tự nhiên, thí sinh dự thi phải có một trong các văn bằng sau:

- Nhóm ngành đúng, ngành phù hợp: có bằng tốt nghiệp đại học trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành Khoa học môi trường.
- Nhóm ngành gần: có bằng tốt nghiệp đại học khi cùng trong nhóm ngành trong danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp thuộc nhóm ngành đúng, ngành phù hợp ở trên) hoặc chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành Khoa học môi trường, đã học bổ túc kiến thức các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp ngành Khoa học môi trường. Nội dung, khối lượng (số tín chỉ) các học phần bổ sung do Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

+ Thâm niên công tác:

- Không yêu cầu thâm niên công tác với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần.

3.3. Danh mục các ngành đúng, phù hợp, gần

- Ngành đúng: Khoa học môi trường;
- Các ngành phù hợp: Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường.
- Các ngành gần: Thiên văn học, Vật lý học, Vật lý hạt nhân, Hoá học, Khoa học vật liệu, Công nghệ sinh học, Khoa học đất, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Sinh học, Hóa học, Địa chất học, Địa lý tự nhiên, Khí tượng học, Thủy văn, Hải dương học, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Khoa học trái đất và sự sống	3
2	Cơ sở môi trường đất, nước, không khí	3
3	Khoa học môi trường đại cương	3
4	Cơ sở công nghệ môi trường	3
5	Hóa môi trường	3
6	Toán ứng dụng trong môi trường	3
7	Quản lý môi trường	3
8	Kinh tế môi trường	3
9	Quy hoạch môi trường	3
10	Các phương pháp phân tích môi trường	3
11	Đánh giá môi trường	3
12	Luật và chính sách môi trường	3
	Tổng cộng	36

(Số học phần cụ thể trong danh mục các học phần trên do đơn vị đào tạo quyết định yêu cầu bổ sung tùy thuộc vào bảng điểm hệ đại học của người dự tuyển).

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 30 – 50 học viên

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

Người tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Môi trường và Phát triển bền vững định hướng ứng dụng sẽ đảm bảo nắm vững những kiến thức chuyên môn sau:

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành môi trường và phát triển bền vững có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo
- Vận dụng tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống;
- Có khả năng tổ chức thực hiện công việc, hoàn thành công việc chuyên môn tốt;
- Vận dụng tốt các kiến thức liên ngành và đa ngành (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học phát triển) làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững;
- Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức cơ bản của nhóm chuyên ngành Khoa học môi trường, Khoa học trái đất, Sinh học, Khoa học nông-lâm-ngư nghiệp, Khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững;
- Ứng dụng các kiến thức về môi trường và phát triển bền vững để luận giải các vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;
- Ứng dụng được các nguyên lý sinh thái, cơ sở độc chất học, kinh tế tài nguyên trong hoạch định chương trình quản lý và quy hoạch quản lý môi trường
- Vận dụng tốt kiến thức đa ngành, liên ngành để xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các dự án, chương trình hay giải pháp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.2. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có năng lực phân tích, đánh giá kết quả thực nghiệm để áp dụng vào việc lựa chọn các giải pháp bảo vệ môi trường
- Vận dụng kiến thức về môi trường và phát triển bền vững trong việc cải tiến các phương pháp quản lý theo hướng bền vững, thân thiện môi trường
- Nhận thức và vận dụng được các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp gắn với yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội.
- Ứng dụng kiến thức khoa học công nghệ trong giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến chất thải nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, nước thải làng nghề, khí thải,...
- Có khả năng vận dụng kiến thức trong việc cải tiến công nghệ, đổi mới giải pháp trong quản lý môi trường và tài nguyên.
- Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động cho các mục tiêu, chương trình đề ra
- Có khả năng giao tiếp, thảo luận và tìm kiếm tài liệu bằng tiếng anh, trình độ tiếng anh tối thiểu đạt mức B1 theo khung châu Âu hoặc tương đương

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và tổng quát hóa vấn đề, giải quyết vấn đề, phân tích và đánh giá vấn đề về chuyên môn, lập luận và xử lý thông tin, phân tích định lượng và giải quyết các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh

học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, đồng thời đưa ra giải pháp, kiến nghị, tổ chức và triển khai giải pháp đối với vấn đề chuyên môn.

2.2.2. *Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*: Có khả năng phát hiện vấn đề, kỹ năng tìm kiếm tài liệu và thu thập thông tin, tổ chức khảo sát, thực nghiệm trên nền kiến thức được trang bị để đặt giả thiết và chứng minh giả thiết trong lĩnh vực chuyên môn, đồng thời có khả năng tham gia, tổ chức khảo sát thực tế.

2.2.3. *Khả năng tư duy theo hệ thống*: Có khả năng tư duy chỉnh thể, logic, phân tích đa chiều, phân tích hệ thống, tư duy khoa học.

2.2.4. *Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*: Nắm được vai trò và trách nhiệm của mình trong quản lý, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, từ đó đưa ra những hành động thích hợp, đảm bảo hướng tới phát triển bền vững; nắm được các quy định của xã hội đối với kiến thức chuyên môn, bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn về môi trường và phát triển bền vững.

2.2.5. *Bối cảnh tổ chức*: Hoạt động trong các doanh nghiệp nắm được văn hóa trong doanh nghiệp; chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của tổ chức, vận dụng kiến thức được trang bị phục vụ có hiệu quả trong phát triển doanh nghiệp đồng thời có khả năng làm việc thành công trong tổ chức.

2.2.6. *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*: Có phương pháp tốt và đúng đắn vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tiễn; hình thành ý tưởng liên quan đến chuyên môn khoa học môi trường hoặc quản lý các dự án quy mô vừa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

2.2.7. *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*: Có kỹ năng xây dựng mục tiêu cá nhân, động lực làm việc, phát triển cá nhân và sự nghiệp, phát triển tổ chức.

2.2.8. *Các kỹ năng cá nhân*: Kiên trì, linh hoạt và say mê công việc; có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, phương pháp luận phản biện; biết cách quản lý thời gian và nguồn lực; có các kỹ năng cá nhân cần thiết như thích ứng với sự phức tạp của thực tế, kỹ năng học và tự học, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng sử dụng thành thạo công cụ máy tính phục vụ chuyên môn và giao tiếp văn bản, hòa nhập cộng đồng và luôn có tinh thần tự hào, tự tôn.

2.2.9. *Làm việc theo nhóm*: Có khả năng làm việc theo nhóm và thích ứng với sự thay đổi của các nhóm làm việc.

2.2.10. *Quản lý và lãnh đạo*: Có khả năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, thúc đẩy hoạt động nhóm và phát triển nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm.

2.2.11. *Kỹ năng giao tiếp*: Kỹ năng cơ bản trong giao tiếp bằng văn bản, qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, có chiến lược giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn.

2.2.12. *Các kỹ năng khác*: Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp; luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực khoa học; kỹ năng ứng dụng tin học, thư viện điện tử.

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân: Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, chấp hành luật pháp có ý thức phát huy, tuyên truyền, phổ biến cho xã hội vai trò của môi trường đối với sự sống, nâng cao nhận thức về sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Trung thực, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc, đáng tin cậy trong công việc, nhiệt tình và say mê công việc.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề: Có phẩm chất đạo đức tốt, lễ độ, khiêm tốn, nhiệt tình, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, yêu ngành, yêu nghề.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

- Nhà quản lý hay nghiên cứu tại các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.
- Thực hiện các nghiên cứu khoa học, ứng dụng và triển khai các đề tài nghiên cứu thực tiễn ở lĩnh vực khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho sự phát triển bền vững tại các viện nghiên cứu, trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, trường đại học

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững định hướng Ứng dụng, người học có đủ kiến thức và năng lực để được học ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Trường Đại học Tổng hợp LEEDS, Vương quốc Anh.
- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: The Degree of Master of Science in Sustainability (Environment and Development)
- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Xếp hạng 133 vào năm 2012 theo Time Higher Education Ranking (The World University Rankings 2011-2012), điểm xếp hạng trung bình các ngành đạt 49,5.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	66 tín chỉ
- Khối kiến thức chung	07 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	50 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>23 tín chỉ</i>
+ <i>Lựa chọn</i> :	<i>27/68 tín chỉ</i>
- Luận văn thạc sĩ	09 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
I	Khối kiến thức chung		7				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>General English</i>	4	30	30	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		50				
<i>II.1</i>	<i>Bắt buộc</i>		<i>23</i>				

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
3	ENG6001	Tiếng Anh học thuật <i>English for Academic Purposes</i>	3	15	15	15	ENG5001
4	EVS6102	Nguyên lí khoa học môi trường <i>Principles of Environmental Science</i>	3	30	10	5	
5	EVS6309	Công nghệ môi trường ứng dụng <i>Applied Environmental Technology</i>	3	20	20	5	EVS6102
6	EVS6123	Khoa học bền vững <i>Sustainability science</i>	3	20	20	5	
7	EVS6300	Bảo tồn đa dạng sinh học ứng dụng <i>Applied Biodiversity Conservation</i>	2	15	10	5	
8	EVS6223	Sinh thái nhân văn <i>Human Ecology</i>	2	20	10	0	
9	EVS6224	Đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường <i>Strategic Environmental Assessment and Environmental Impact Assesment</i>	2	20	5	5	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10	EVS6227	Môi trường và phát triển cộng đồng <i>Environment and Community Development</i>	3	25	10	10	
11	EVS6225	Nghiên cứu thực địa <i>Field Study</i>	2	5	20	5	
II.2	Tự chọn		27/68				
12	EVS6301	Nghiên cứu khoa học ứng dụng <i>Scientific Research methods</i>	3	30	15	0	
13	EVS6107	Đạo đức và chính sách môi trường <i>Ethics and Environmental Policy</i>	3	30	15	0	
14	EVS6108	Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường <i>Environmental Quality Assessment and Control</i>	3	25	15	5	EVS6103
15	EVS6109	Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu môi trường <i>GIS and Remote Sensing Application of Environment</i>	3	25	10	10	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
16	EVS6110	Toán ứng dụng trong môi trường <i>Applied Mathematics for Environmental science</i>	3	25	15	5	
17	EVS6302	Quy hoạch môi trường <i>Environmental Planning</i>	3	30	10	5	
18	EVS6303	Kinh tế và tài chính môi trường <i>Environmental Economics</i>	3	30	10	5	
19	EVS6233	Sinh thái học hệ sinh thái <i>Ecosystem Ecology</i>	2	15	10	5	
20	EVS6235	Luật pháp, chính sách về môi trường và tài nguyên thiên nhiên <i>Law, Policy on Environment and Natural Resources</i>	2	20	0	10	
21	EVS6250	Xã hội học môi trường <i>Environmental Sociology</i>	3	30	10	5	
22	EVS6237	Khu vực học: Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu <i>Area Study: Theory and Research Methods</i>	2	15	10	5	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
23	EVS6304	Hệ sinh thái rừng ứng dụng và lâm nghiệp xã hội <i>Applied forest ecosystems and social forestry</i>	3	15	10	5	
24	EVS6239	Hệ sinh thái đất ngập nước <i>Wetland Ecosystem</i>	2	15	10	5	
25	EVS6311	Sinh thái học nông nghiệp <i>Agricultural Ecology</i>	3	15	20	10	
26	EVS6241	Sức khỏe môi trường và sức khỏe con người <i>Environmental and Human Health</i>	2	15	10	5	EVS6102
27	EVS6242	Quản lý tổng hợp lưu vực <i>Integrated Watershed Management</i>	2	15	10	5	
28	EVS6243	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	2	15	10	5	EVS6102
29	EVS6244	Các vấn đề toàn cầu và khu vực về tài nguyên và môi trường <i>Global and Local Issues in Resources and Environment</i>	2	15	5	10	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
30	EVS6305	Giáo dục môi trường và phát triển bền vững <i>Environmental Education and Sustainable Development</i>	3	30	10	5	
31	EVS6226	Độc học sinh thái <i>Toxical ecology</i>	2	15	10	5	
32	EVS6228	Dân số định cư và môi trường <i>Population - Settlement and Environment</i>	2	15	10	5	
33	EVS6229	Phát triển bền vững biển <i>Oceanic Sustainable Development</i>	2	20	5	5	
34	EVS6230	Mô hình hóa các hệ sinh thái <i>Modeling of ecosystems</i>	2	20	5	5	
35	EVS6306	Du lịch bền vững <i>Sustainable tourism</i>	2	15	10	5	
36	EVS6307	Kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững <i>Environmental Auditing for Sustainable Development</i>	3	15	25	5	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
37	EVS6308	Mô hình phân bố loài và quy hoạch đa dạng sinh học <i>Species Distribution Modeling and Biodiversity Planning</i>	3	15	25	5	
38	EVS6310	An ninh và xung đột môi trường <i>Environmental security and conflict</i>	3	15	20	10	
III	EVS7006	Luận văn <i>Final Thesis</i>	09				
		Tổng cộng	66				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.